**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN THI LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT**

**MÔN: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

**(Phát miễn phí)**

***Tháng 5/2016***

#### PHẦN 1.

#### NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

#### VẤN ĐỀ 1: Bản chất của pháp luật

- Bản chất của pháp luật cũng giống như nhà nước là tính giai cấp của nó, không có "pháp luật tự nhiên" hay pháp luật không có tính giai cấp.

- Tính giai cấp của pháp luật trước hết ở chỗ, pháp luật phản ánh ý chí nhà nước của giai cấp thống trị, nội dung của ý chí đó đựơc quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị. Nhờ nắm trong tay quyền lực nhà nước, giai cấp thống trị đã thông qua nhà nước để thể hiện ý chí của giai cấp mình một cách tập trung thống nhất, hợp pháp hoá ý chí của nhà nước, được nhà nước bảo hộ thực hiện bằng sức mạnh của nhà nước.

- Tính giai cấp của pháp luật còn thể hiện ở mục đích điều chỉnh của pháp luật. Mục đích của pháp luật trước hết nhằm điều chỉnh quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Vì vậy, pháp luật là nhân tố để điều chỉnh về mặt giai cấp các quan hệ xã hội nhằm hướng các quan hệ xã hội phát triển theo một trật tự phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị, bảo vệ củng cố địa vị của giai cấp thống trị. Với ý nghĩa đó, pháp luật chính là công cụ để thực hiện sự thống trị giai cấp.

- Mặt khác, bản chất của pháp luật còn thể hiện thông qua tính xã hội của pháp luật. Tính xã hội của pháp luật thể hiện thực tiễn pháp luật là kết quả của sự "chọn lọc tự nhiên" trong xã hội. Các quy phạm pháp luật mặc dù do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, tuy nhiên chỉ những quy phạm nào phù hợp với thực tiễn mới được thực tiễn giữ lại thông qua nhà nước, đó là những quy phạm "hợp lý", "khách quan" được số đông trong xã hội chấp nhận, phù hợp với lợi ích của đa số trong xã hội.

- Giá trị xã hội của pháp luật còn thể hiện ở chỗ, quy phạm pháp luật vừa là thước đo của hành vi con người, vừa là công cụ kiểm nghiệm các quá trình, các hiện tượng xã hội, là công cụ để nhận thức xã hội và điều chỉnh các quan hệ xã hội, hướng chú ý vận động, phát triển phù hợp với các quy luật khách quan.

**VẤN ĐỀ 2: Các thuộc tính của pháp luật**

Thuộc tính của pháp luật là những dấu hiệu đặc trưng riêng có của pháp luật nhằm phân biệt pháp luật với các quy phạm xã hội khác.

Nhìn một cách tổng quát, pháp luật có những đặc trưng cơ bản sau:

* **Tính quy phạm phổ biến**

Pháp luật được tạo bởi hệ thống các quy phạm pháp luật, quy phạm là tế bào của pháp luật, là khuôn mẫu, là mô hình xử sự chung. Trong xã hội các hành vi xử sự của con người rất khác nhau, tuy nhiên trong nhưng hoàn cảnh điều kiện nhất định vẫn đưa ra được cách xử sự chung phù hợp với đa số.

Cũng như quy phạm pháp luật, các quy phạm xã hội khác đều có những quy tắc xử sự chung, nhưng khác với các quy phạm xã hội, pháp luật có tính quy phạm phổ biến. Các quy phạm pháp luật được áp dụng nhiều lần trên lãnh thổ, việc áp dụng các quy phạm này chỉ bị đình chỉ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền bãi bỏ, bổ sung, sửa đổi bằng những quy định khác hoặc thời hiệu áp dụng các quy phạm đã hết.

Tính quy phạm phổ biến của pháp luật dựa trên ý chí của nhà nước “được đề lên thành luật”. Tuỳ theo từng nhà nước khác nhau mà ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội mang tính chất chủ quan của một nhóm người hay đáp ứng được nguyện vọng, mong muốn của đa số nhân dân trong quốc gia đó.

* **Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức**

Thuộc tính thứ hai của pháp luật là tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức, nó là sự thể hiện nội dung pháp luật dưới những hình thức nhất định. Thuộc tính này thể hiện:

Nội dung của pháp luật đựơc xác định rõ ràng, chặt chẽ khái quát trong các điều, khoản của các điều luật trong một văn bản quy phạm pháp luật cũng như toàn bộ hệ thống pháp luật do nhà nước ban hành. Ngôn ngữ sử dụng trong pháp luật là ngôn ngữ pháp luật, lời văn trong sáng, đơn nghĩa. Trong pháp luật không sử dụng những từ “vân vân” và các dấu (...), “có thể” và một quy phạm pháp luật không cho phép hiểu theo nhiều cách khác nhau.

* **Tính được bảo đảm bằng nhà nước**

Khác với các quy phạm xã hội khác pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và được nhà nước bảo đảm thực hiện. Sự bảo đảm bằng nhà nước là thuộc tính của pháp luật. Pháp luật không chỉ do nhà nước ban hành mà nhà nước còn bảo đảm cho pháp luật được thực hiện, có nghĩa là nhà nước trao cho các quy phạm pháp luật có tính quyền lực bắt buộc đối với mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân. Pháp luật trở thành quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung nhờ vào sức mạnh quyền lực của nhà nước.

Tuỳ theo mức độ khác nhau mà nhà nước áp dụng các biện pháp về tư tưởng, tổ chức, khuyến khích,... kể cả biện pháp cưỡng chế cần thiết để đảm bảo cho pháp luật được thực hiện.

Như vậy, tính được bảo đảm bằng nhà nước của pháp luật được hiểu dưới hai khía cạnh. Một mặt nhà nước tổ chức thực hiện pháp luật bằng cả hai phương pháp thuyết phục và cưỡng chế, mặt khác nhà nước là người bảo đảm tính hợp lý và uy tín của pháp luật, nhờ đó pháp luật được thực hiện thuận lợi trong đời sống xã hội.

**VẤN ĐỀ 3: Chức năng của pháp luật**

Chức năng của pháp luật là những phương diện, mặt tác động chủ yếu của pháp luật phản ánh bản chất giai cấp và giá trị xã hội của pháp luật.

Pháp luật có ba chức năng chủ yếu:

***Một là,* chức năng điều chỉnh**

Chức năng điều chỉnh của pháp luật thể hiện vai trò và giá trị xã hội của pháp luật. Pháp luật được đặt ra nhằm hướng tới sự điều chỉnh các quan hệ xã hội. Sự điều chỉnh của pháp luật lên các quan hệ xã hội được thực hiện theo hai hướng: một mặt pháp luật ghi nhận các quan hệ xã hội chủ yếu trong xã hội. Mặt khác pháp luật bảo đảm cho sự phát triển của các quan hệ xã hội. Như vậy pháp luật đã thiết lập “trật tự” đối với các quan hệ xã hội, tạo điều kiện cho các quan hệ xã hội phát triển theo chiều hướng nhất định phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị, phù hợp với quy luật vận động khách quan của các quan hệ xã hội.

***Hai là,* chức năng bảo vệ**

Chức năng bảo vệ là công cụ bảo vệ các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh. Khi có các hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế được quy định trong bộ phận chế tài của các quy phạm pháp luật đối với các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Chẳng hạn hành vi xâm phạm tính mạng sức khoẻ con người bị xử lý theo Luật Hình sự, hành vi gây thiệt hại tài sản buộc phải bồi thường theo Luật Dân sự.

***Ba là,* chức năng giáo dục**

Chức năng giáo dục của pháp luật được thực hiện thông qua sự tác động của pháp luật vào ý thức của con người, làm cho con người xử sự phù hợp với cách xử sự được quy định trong các quy phạm pháp luật. Việc giáo dục có thể được thực hiện thông qua tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, có thể thông qua việc xử lý những cá nhân, tổ chức vi phạm (phạt những hành vi vi phạm giao thông, xét xử những người phạm tội hình sự,…).

Xuất phát từ các vấn đề đã phân tích ở trên có thể đưa ra định nghĩa pháp luật như sau*:* Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội, được nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật là công cụ để thực hiện quyền lực nhà nước và là cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội có nhà nước.

**VẤN ĐỀ 4: Quan hệ pháp luật**

Khái niệm: Quan hệ pháp luật là hình thức pháp lý của quan hệ xã hội, xuất hiện dưới sự tác động của các quy phạm pháp luật, trong đó các bên tham gia quan hệ có quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của quy phạm pháp luật, quyền và nghĩa vụ đó được pháp luật ghi nhận và nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp tổ chức, cưỡng chế nhà nước.

1. **Chủ thể của quan hệ pháp luật**

Chủ thể của quan hệ pháp luật là các bên tham gia quan hệ pháp luật, nói cách khác, đó là các bên tham gia vào quan hệ pháp luật trên cơ sở những quyền và nghĩa vụ do nhà nước quy định trong pháp luật. Chủ thể của quan hệ pháp luật có thể là cá nhân, tổ chức.

* Năng lực chủ thể gồm: năng lực pháp luật và năng lực hành vi.

Năng lực pháp luật là khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận, có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý.

Năng lực hành vi là khả năng của chủ thể được nhà nước thừa nhận bằng hành vi của mình thực hiện một cách độc lập các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, độc lập tham gia các quan hệ xã hội.

Đây còn là khả năng của chủ thể có thể tự bản thân mình thực hiện các hành vi pháp lý do nhà nước quy định, tự mình tham gia vào các quan hệ xã hội. Muốn tham gia vào các quan hệ, con người phải có ý thức và ý chí nhất định. Thực tế không phải tất cả mọi người đều có ý thức, ý chí nhất định do đó không phải tất cả mọi người đều có đầy đủ các tiêu chuẩn để tham gia vào các quan hệ pháp luật.

- Năng lực pháp luật và năng lực hành vi hình thành nên quyền chủ thể của quan hệ pháp luật. Như vậy, khả năng trở thành chủ thể quan hệ pháp luật là thuộc tính không tách rời của mỗi cá nhân nhưng không phải là thuộc tính tự nhiên và sẵn có khi người đó sinh ra, mà do nhà nước thừa nhận cho mỗi tổ chức hoặc cá nhân.

**- Năng lực pháp luật của cá nhân:**

Cá nhân, năng lực pháp luật bắt đầu kể từ khi cá nhân đó sinh ra, có những trường hợp con chưa sinh ra nhưng đã được quyền thừa kế “con sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết”.

Năng lực pháp luật của cá nhân chấm dứt khi cá nhân chết. Việc xác định một người đã chết dựa vào thực tế và có chứng tử của Uỷ ban nhân dân cơ sở. Cũng có những trường hợp việc xác định một người là đã chết căn cứ vào quyết định của Toà án tuyên bố chết. Trong một số lĩnh vực, năng lực pháp luật được mở rộng dần từng bước phụ thuộc vào sự phát triển thể lực và trí lực của cá nhân. Khác với năng lực pháp luật, năng lực hành vi chỉ xuất hiện khi cá nhân đã đạt đến độ tuổi nhất định và đạt được những điều kiện nhất định. Phần lớn pháp luật các nước đều lấy độ tuổi 18 tuổi tròn và tiêu chuẩn lý trí làm điều kiện công nhận năng lực hành vi cho chủ thể của đa số các nhóm quan hệ pháp luật. Trên cơ sở đó pháp luật Việt Nam cũng quy định độ tuổi để xác định năng lực hành vi đầy đủ của cá nhân là từ đủ mười tám tuổi trở lên (trừ những trường hợp khác như tuổi kết hôn đối với nam từ 20 tuổi trở lên).

Đối với tổ chức, năng lực pháp luật và năng lực hành vi xuất hiện cùng một lúc, vào thời điểm tổ chức được thành lập và được ghi nhận trong điều lệ, quy chế hoặc văn bản của nhà nước, năng lực hành vi của tổ chức thực hiện thông qua người đứng đầu cơ quan hoặc người đại diện (tổ chức có thể có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân).

* **Năng lực pháp luật của pháp nhân:**

Theo Điều 84 của Bộ luật Dân sự 2005, một tổ chức có pháp nhân tổ chức phải có những điều kiện sau:

*Điều kiện thứ nhất,* được thành lập hợp pháp. Được thành lập hợp pháp là do cơ quan có thẩm quyền thành lập (thường là các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp), đăng ký kinh doanh (đối với các doanh nghiệp) hoặc công nhận (đối với các hội, quỹ từ thiện). Ví dụ: Đại học Huế được thành lập theo Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ.

*Điều kiện thứ hai,* có cơ cấu tổ chức chặt chẽ. Cơ cấu tổ chức chặt chẽ trong đó có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các thành viên của pháp nhân. Tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ, mục đích hoạt động và số lượng thành viên pháp nhân lựa chọn mô hình tổ chức phù hợp.

*Điều kiện thứ ba,* có tài sản độc lập với tài sản của cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm về tài sản đó.

*Điều kiện thứ nhất tư,* nhân danh mình tham gia các quan hệ một cách độc lập. Khác với cá nhân, pháp nhân tham gia các quan hệ pháp luật thông qua người đại diện hợp pháp (gồm người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo uỷ quyền). Đại diện theo pháp luật của pháp nhân là người đứng đầu pháp nhân theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như giám đốc Đại học Huế, hiệu trưởng các trường thành viên,…) hoặc theo điều lệ của pháp nhân (Tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp). Người đại diện theo pháp luật có thể uỷ quyền cho thành viên của pháp nhân tham gia các quan hệ pháp luật nhân danh pháp nhân.

1. **Nội dung của quan hệ pháp luật**

Nội dung của quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa bao gồm quyền và nghĩa vụ chủ thể.

- Quyền chủ thể: Quyền chủ thể là cách xử sự mà pháp luật cho phép chủ thể được tiến hành. Nói cách khác, quyền chủ thể là khả năng của chủ thể xử sự theo cách thức nhất định được pháp luật cho phép.

Quyền chủ thể có những đặc điểm như sau:

*Một là,* khả năng của chủ thể xử sự theo cách thức nhất định mà pháp luật cho phép. Pháp luật quy định cá nhân có quyền ký kết hợp đồng, khiếu nại, tự do ngôn luận.

*Hai là,* khả năng yêu cầu các chủ thể khác chấm dứt các hành động cản trở nó thực hiện các quyền và nghĩa vụ hoặc yêu cầu tôn trọng các nghĩa vụ tương ứng phát sinh từ quyền và nghĩa vụ này. Chẳng hạn cá nhân có quyền yêu cầu chấm dứt cản trở trái pháp luật đối với chủ sở hữu khi thực hiện quyền tài sản, chấm dứt vi phạm các quyền nhân thân (sử dụng hình ảnh với mục đích kinh doanh không xin phép), quyền tác giả.

*Ba là,* khả năng các chủ thể yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ lợi ích của mình như yêu cầu huỷ hợp đồng do lỗi của bên kia, yêu cầu bồi thường thiệt hại, kiện đòi nợ.

Các thuộc tính kể trên của quyền chủ thể là thống nhất không thể tách rời.

- Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể:Nghĩa vụ của chủ thể là cách xử sự mà nhà nước bắt buộc chủ thể phải tiến hành nhằm đáp ứng việc thực hiện quyền của chủ thể khác.

Nghĩa vụ pháp lý có những đặc điểm sau:

Chủ thể cần phải tiến hành những hành vi bắt buộc nhất định. Những hành vi này được thể hiện bằng hành động hoặc không hành động như không vứt rác nơi công cộng, không tự ý sửa chữa thay đổi cấu trúc nhà đang thuê, đi xe máy phải đội mũ bảo hiểm,...

Việc thực hiện những hành vi bắt buộc nhằm đáp ứng quyền chủ thể của chủ thể bên kia. Thông thường trong quan hệ pháp luật này thường có hai bên tham gia xác định như bên vay phải trả nợ bên cho vay, bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật mà mình gây ra.

Phải chịu trách nhiệm pháp lý khi không thực hiện những hành vi bắt buộc.

Đối với người vi phạm tuỳ theo từng trường hợp phải chụi trách nhiệm pháp lý tương ứng như bị phạt tiền do không đọi mũ bảo hiểm, buộc phải trả nợ và chịu lãi suất nợ quá hạn do chậm trả, bị phạt hành chính do hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Quyền và nghĩa vụ chủ thể là hai hiện tượng pháp lý không thể thiếu trong một quan hệ pháp luật cụ thể. Trong quan hệ pháp luật, quyền và nghĩa vụ chủ thể luôn thống nhất, phù hợp với nhau. Nội dung, số lượng và các biện pháp bảo đảm thực hiện chúng đều do nhà nước quy định hoặc do các bên xác lập trên cơ sở các quy định đó.

**VẤN ĐÊ 5:** **Thực hiện pháp luật**

Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật.

Căn cứ vào tính chất của hoạt động thực hiện pháp luật, khoa học pháp lý đã xác định những hình thức thực hiện pháp luật sau:

**- Tuân thủ pháp luật:** Là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật cấm. Ở hình thức thực hiện này đòi hỏi chủ thể thực hiện nghĩa vụ một cách thụ động, thực hiện các quy phạm pháp luật dưới dạng không hành động.

**- Thi hành pháp luật:** Là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực. Chẳng hạn các đối tượng nộp thuế cho nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

Khác với tuân thủ pháp luật, trong hình thức thi hành pháp luật đòi hỏi chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý dưới dạng hành động tích cực.

**- Sử dụng pháp luật:** Là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình (thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép). Chẳng hạn ký kết hợp đồng, thực hiện các quyền khởi kiện, khiếu nại trong khuôn khổ pháp luật quy định.

Hình thức này khác với các hình thức trên ở chỗ chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí của mình chứ không bị bắt buộc phải thực hiện.

**- Áp dụng pháp luật:** Là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào những quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể.

Áp dụng pháp luật là hình thức luôn luôn đòi hỏi phải có sự tham gia của các cơ quan nhà nước hoặc nhà chức trách có thẩm quyền.

Hoạt động áp dụng pháp luật được tiến hành trong các trường hợp sau:

*Trường hợp thứ nhất,* khi những quan hệ pháp luật với những quyền và nghĩa vụ cụ thể không mặc nhiên phát sinh nếu thiếu sự can thiệp của nhà nước. Ví dụ: phát hiện một xác chết trên sông có dấu hiệu bị giết, cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án, trưng cầu giám định pháp y.

*Trường hợp thứ hai,* khi xảy ra tranh chấp về quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia vào quan hệ pháp luật mà các bên đó không tự giải quyết được. Ví dụ tranh chấp hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

*Trường hợp thứ ba,* khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhà nước do các chế tài pháp luật quy định đối với những chủ thể có hành vi vi phạm. Những người có hành vi vi phạm bị xử phạt làm hàng giả, hàng nhái,…

*Trường hợp thứ tư,* trong một số quan hệ pháp luật mà nhà nước thấy cần thiết phải tham gia để kiểm tra, giám sát hoạt động của các bên tham gia quan hệ đó hoặc nhà nước xác nhận tồn tại hay không tồn tại một số vụ việc, sự kiện thực tế. Chẳng hạn toà án tuyên bố mất tích, tuyên bố chết đối với một người; tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với nam nữ sống chung với nhau không có đăng ký kết hôn hoặc đăng ký kết hôn tại cơ quan không có thẩm quyền.

Áp dụng pháp luật có các đặc điểm sau:

*Áp dụng pháp luật mang tính tổ chức, quyền lực nhà nước, cụ thể, hoạt động này chỉ do những cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền tiến hành.* Tuỳ theo từng loại quan hệ phát sinh được pháp luật quy định thẩm quyền của cơ quan nhà nước nào.

*Áp dụng pháp luật là hoạt động được thực hiện theo thủ tục do pháp luật quy định chặt chẽ.* Để đảm bảo tính khách quan trong hoạt động áp dụng pháp luật các thủ tục được pháp luật quy định cụ thể và chặt chẽ, nếu cơ quan có thẩm quyền thực hiện sai, tuỳ tiện bị xác định vi phạm thủ tục (thủ tục giải quyết vụ án dân sự trong Bộ luật Tố tụng dân sự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự trong Bộ luật tố Tụng hình sự).

*Áp dụng pháp luật là hoạt động điều chỉnh cá biệt, cụ thể đối với các quan hệ xã hội.* Áp dụng pháp luật áp dụng không phải cho những chủ thể trừu tượng, chung chung mà cho các chủ thể cụ thể thông qua các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, như bản án của toà án buộc A phải bồi thường cho B 5.000.000 đồng hoặc tuyên án A phải chịu hìmh phạt 5 năm tù.

*Áp dụng pháp luật là hoạt động có tính sáng tạo*. Pháp luật là những quy tắc xử sự chung không thể chỉ ra từng trường hợp cụ thể, do vậy khi áp dụng pháp luật, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền phải nghiên cứu kỹ lưỡng vụ việc, làm sáng tỏ cấu thành pháp lý của nó để từ đó lựa chọn quy phạm, ra văn bản áp dụng pháp luật và tổ chức thi hành. Chẳng hạn: A cho B mượn 30 triệu đồng (viết giấy mượn tiền không có lãi). Trong thực tế quan niệm của người dân nếu không có lãi được hiểu là cho mượn tiền, nhưng khi tranh chấp xảy ra Toà án phải xem xét xác định đó là hợp đồng vay tài sản (có thể có lãi hoặc không) từ đó mới áp dụng pháp luật để tính lãi suất nợ quá hạn đối với bên vay.

Từ sự phân tích trên cho thấy, áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua những cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách, hoặc các tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền, nhằm cá biệt hoá những quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể.

Hình thức thể hiện chính thức của hoạt động áp dụng pháp luật là văn bản áp dụng pháp luật.

Văn bản áp dụng pháp luật có một số đặc điểm sau:

*Một là*, văn bản áp dụng pháp luật do những cơ quan (nhà chức trách, tổ chức) có thẩm quyền ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng cưỡng chế nhà nước.

*Hai là,* văn bản áp dụng pháp luật có tính chất cá biệt, chỉ áp dụng một lần đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể trong những trường hợp xác định.

*Ba là,* văn bản áp dụng pháp luật phải hợp pháp và phù hợp với thực tế. Nó phải phù hợp với luật và dựa trên những quy phạm pháp luật cụ thể, nếu không phù hợp thì văn bản áp dụng pháp luật sẽ bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.

*Bốn là,* văn bản áp dụng pháp luật được thể hiện trong những hình thức pháp lý xác định như: bản án, quyết định, lệnh,...

*Năm là,* văn bản áp dụng pháp luật là một yếu tố của sự kiện pháp lý phức tạp, thiếu nó nhiều quy phạm pháp luật không thể thực hiện được.

Như vậy, văn bản áp dụng pháp luật là văn bản pháp lý cá biệt, mang tính quyền lực do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc các tổ chức xã hội được trao quyền ban hành trên cơ sở những quy phạm pháp luật, nhằm xác định những quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các cá nhân, tổ chức hoặc xác định những biện pháp trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

**VẤN ĐỀ 6: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý**

**1. Vi phạm pháp luật**

***1.1. Khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật***

Vi phạm pháp luật là hành vi không làm đúng với những quy định trong các quy phạm pháp luật, gây tổn hại cho xã hội của các chủ thể pháp luật.

Vi phạm pháp luật là một hiện tượng xã hội có những dấu hiệu cơ bản sau:

*Dấu hiệu thứ nhất,* vi phạm pháp luật luôn là hành vi (hành động hoặc không hành động) xác định của con người. Chỉ những hành vi (biểu hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động) cụ thể mới bị coi là những hành vi vi phạm pháp luật; những ý nghĩ dù tốt, dù xấu cũng không thể coi là những vi phạm pháp luật.

*Dấu hiệu thứ hai,* vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Hành vi thể hiện sự chống đối những quy định chung của pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật xác lập và bảo vệ. Hành vi trái pháp luật là hành vi không phù hợp với những quy định của pháp luật như không thực hiện những nghĩa vụ pháp lý, sử dụng quyền hạn vượt quá giới hạn pháp luật cho phép,... Tính trái pháp luật là dấu hiệu không thể thiếu của hành vi bị coi là vi phạm pháp luật.

*Dấu hiệu thứ ba,* vi phạm pháp luật là hành vi có lỗi. Dấu hiệu trái pháp luật mới chỉ là biểu hiện bên ngoài của hành vi. Để xác định hành vi vi phạm pháp luật cần xem xét cả mặt chủ quan của hành vi, nghĩa là phải xác định trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình. Nếu một hành vi trái pháp luật được thực hiện do những hoàn cảnh và điều kiện khách quan, chủ thể hành vi đó không cố ý và không vô ý thực hiện hoặc không thể ý thức được, từ đó không thể lựa chọn cách xử sự theo yêu cầu của pháp luật thì hành vi đó không thể coi là có lỗi và chủ thể không bị coi là vi phạm pháp luật. Kể cả những hành vi trái pháp luật mà chủ thể bị buộc phải thực hiện trong điều kiện không có tự do ý chí thì cũng không bị coi là có lỗi.

*Dấu hiệu thứ tư,* chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật phải có năng lực trách nhiệm pháp lý. Trong pháp luật xã hội chủ nghĩa sự độc lập gánh chịu nghĩa vụ pháp lý chỉ quy định đối với những người có khả năng tự lựa chọn cách xử sự và có tự do ý chí, nói một cách khác, người đó phải có khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Những hành vi mặc dù trái pháp luật nhưng do những người mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì không thể coi là vi phạm pháp luật. Hành vi trái pháp luật của trẻ em (chưa đến độ tuổi pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm pháp lý) cũng không bị coi là vi phạm pháp luật. Như vậy, trách nhiệm pháp lý trong pháp luật xã hội chủ nghĩa chỉ quy định cho những người đã đạt một độ tuỏi nhất định theo quy định của pháp luật, có khả năng lý trí và tự do ý chí.

Từ những dấu hiệu trên có thể xác định: Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật xã hội chủ nghĩa bảo vệ.

***1.2. Cấu thành vi phạm pháp luật***

Vi phạm pháp luật là cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý, song để truy cứu trách nhiệm pháp lý trước hết phải xác định cấu thành của vi phạm pháp luật. Cấu thành vi phạm pháp luật gồm: Mặt khách quan của vi phạm pháp luật; khách thể của vi phạm pháp luật; mặt chủ quan của vi phạm pháp luật; chủ thể của vi phạm pháp luật.

**- Mặt khách quan của vi phạm pháp luật:** Mặt khách quan của vi phạm pháp luật là toàn bộ các dấu hiệu bên ngoài của vi phạm pháp luật, gồm hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả thiệt hại cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả thiệt hại cho xã hội cùng các dấu hiệu khác.

Vi phạm pháp luật trước hết phải là hành vi thể hiện bằng hành động hoặc không hành động. Không thể coi ý nghĩ, tư tưởng, ý chí của con người là vi phạm pháp luật nếu nó không được thể hiện thành những hành vi cụ thể. Hành vi để bị coi là nguy hiểm cho xã hội phải là hành vi trái pháp luật. Tính trái pháp luật được biểu hiện dưới hình thức làm ngược lại điều pháp luật quy định, thực hiện hành vi vượt quá giới hạn pháp luật cho phép hoặc làm khác đi so với yêu cầu của pháp luật.

Hậu quả thiệt hại cho xã hội là những tổn thất về vật chất hoặc tinh thần mà xã hội phải gánh chịu. Xác định sự thiệt hại của xã hội chính là xác định mức độ nguy hiểm của hành vi trái pháp luật.

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với hậu quả thiệt hại cho xã hội được biểu hiện: sự thiệt hại cho xã hội phải do chính hành vi trái pháp luật nói trên trực tiếp gây ra. Trong trường hợp giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả thiệt hại cho xã hội không có mối quan hệ nhân quả thì sự thiệt hại của xã hội không phải do hành vi trái pháp luật trên gây ra mà có thể do những nguyên nhân khác, trường hợp này không thể bắt chủ thể của hành vi trái pháp luật phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại mà hành vi trái pháp luật của họ không trực tiếp gây ra.

Ngoài ra, trong mặt khách quan còn có các dấu hiệu khác như: thời gian, địa điểm, phương tiện, công cụ,... vi phạm pháp luật.

**- Khách thể của vi phạm pháp luật:** Mọi hành vi trái pháp luật đều xâm hại tới những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và bảo vệ. Vì vậy, khách thể của vi phạm pháp luật chính là những quan hệ xã hội ấy. Mức độ nguy hiểm của hành vi trái pháp luật phụ thuộc vào tính chất của các quan hệ xã hội bị xâm hại, nói cách khác nó phụ thuộc và tính chất của khách thể.

**- Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật:** Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là toàn bộ các dấu hiệu bên trong của nó, bao gồm yếu tố lỗi và các yếu tố có liên quan đến lỗi là động cơ, mục đích của chủ thể thực hiện vi phạm pháp luật.

Lỗi là trạng thái tâm lý phản ánh thái độ của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình, cũng như đối với hậu quả của hành vi đó.

Lỗi được thể hiện dưới 2 hình thức: lỗi cố ý và lỗi vô ý. Lỗi cố ý có thể là cố ý trực tiếp có thể là cố ý gián tiếp. Lỗi vô ý có thể là vô ý vì quá tự tin cũng có thể là vô ý do cẩu thả.

Lỗi cố ý trực tiếp: chủ thể vi phạm pháp luật nhìn thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra, mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.

Lỗi cố ý gián tiếp: Chủ thể vi phạm pháp luật nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra, tuy không mong muốn những để mặc cho hậu quả xảy ra.

Lỗi vô ý vì quá tự tin: Chủ thể vi phạm nhìn thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra, nhưng hy vọng, tin tưởng điều đó không xảy ra hoặc nếu xảy ra có thể ngăn chặn được.

Lỗi vô ý do cẩu thả: Chủ thể vi phạm không nhận thấy trước hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra, mặc dù có thể thấy hoặc cần phải nhận thấy trước.

Động cơ là lý do thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Mục đích là kết quả mà chủ thể muốn đạt được khi thực hiện hành vi vi phạm.

Trong mặt chủ quan, lỗi là dấu hiệu bắt buộc, còn động cơ và mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc, trong thực tế, nhiều trường hợp vi phạm pháp luật chủ thể thực hiện hành vi không có mục đích và động cơ.

**- Chủ thể vi phạm pháp luật:** Chủ thể vi phạm pháp luật là cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Khi truy cứu trách nhiệm pháp lý nếu chủ thể hành vi trái pháp luật là cá nhân phải xác định người đó có năng lực trách nhiệm pháp lý ttrong trường hợp đó hay không, muốn vậy phải xem họ đã đủ độ tuổi theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý trong trường hợp đó hay chưa? Khả năng nhận thức và điều khiển hành vi trong trường hợp đó như thế nào? Còn đối với chủ thể là tổ chức phải chú ý tới tư cách pháp nhân hoặc địa vị pháp lý của tổ chức đó.

Ở mỗi loại vi phạm pháp luật đều có cơ cấu chủ thể riêng, chúng ta sẽ xem xét tỷ mỷ trong từng ngành khoa học pháp lý cụ thể.

**1.3. Các loại vi phạm pháp luật**

Trong đời sống xã hội tồn tại nhiều những vi phạm, theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội có 4 loại vi phạm pháp luật sau:

**Tội phạm (vi phạm hình sự):** là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Chủ thể vi phạm hình sự chỉ là cá nhân.

Ví dụ: A giết người bị Tòa án xử phạt 15 năm tù về tội giết người.

**Vi phạm hành chính:** là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

Chủ thể vi phạm hành chính có thể là cá nhân và cũng có thể là tổ chức.

Ví dụ: Công ty M gây ô nhiễm môi trường do xả nước thải ra sông bị phạt 15 triệu đồng.

**Vi phạm dân sự:** là những hành vi trái pháp luật, có lỗi của các cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm dân sự, xâm hại tới các quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân được pháp luật bảo vệ.

Chủ thể vi phạm dân sự có thể là cá nhân cũng có thể là tổ chức.

Ví dụ: A đánh B gây thương tích, Tòa án xử buộc A phải bồi thường cho B 8 triệu đồng tiền viện phí.

**Vi phạm kỷ luật nhà nước:** là những hành vi có lỗi, trái với những quy chế, quy tắc xác lập trật tự trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp, trường học,... hay nói cách khác là không thực hiện đúng kỷ luật lao động, học tập, phục vụ được đề ra trong cơ quan, xí nghiệp, trường học đó.

Chủ thể vi phạm kỷ luật có thể là cá nhân, cũng có thể là tập thể và họ phải có quan hệ ràng buộc với cơ quan, đơn vị, trường học,... nào đó.

Ví dụ: A vi phạm vi phạm nội quy cơ quan, Hội đồng kỷ luật họp và đề nghị hình thức cảnh cáo. Thủ trưởng cơ quan ra quyết định kỷ luật cảnh cáo A.

**2. Trách nhiệm pháp lý**

**2.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý**

Trách nhiệm pháp lý được hiểu là hậu quả bất lợi (sự phản ứng mang tính trừng phạt của nhà nước) mà cá nhân, tổ chức phải gánh chịu khi không thực hiện đúng mệnh lệnh của nhà nước đã quy định trong các quy phạm pháp luật.

Trách nhiệm pháp lý có một số các đặc điểm sau:

*Thứ nhất,* cơ sở của trách nhiệm pháp lý là vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý chỉ áp dụng đối với chủ thể có năng lực chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật trong trạng thái có lý trí và tự do về ý chí. Nói cách khác, chủ thể trách nhiệm pháp lý chỉ có thể là cá nhân hoặc tổ chức có lỗi khi vi phạm các quy định của pháp luật.

*Thứ hai,* trách nhiệm pháp lý chỉ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Mỗi loại cơ quan nhà nước, cán bộ nhà nước chỉ có quyền truy cứu một hoặc một số loại trách nhiệm pháp lý theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật đã quy định.

*Thứ ba,* trách nhiệm pháp lý liên quan mật thiết tới cưỡng chế nhà nước. Khi vi phạm pháp luật xảy ra, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp có tính cưỡng chế khác nhau, nhưng không phải bất cứ biện pháp tác động nào cũng là trách nhiệm pháp lý. Biện pháp trách nhiệm pháp lý chỉ là những biện pháp có tính chất trừng phạt, làm thiệt hại hoặc tước đoạt ở một phạm vi nào đó các quyền tự do, lợi ích hợp pháp mà chủ thể vi phạm pháp luật trong điều kiện bình thường đáng ra được hưởng.

*Thứ tư,* cơ sở pháp lý của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*Thứ năm,* trách nhiệm pháp lý là sự lên án của nhà nước và xã hội đối với chủ thể vi phạm pháp luật, là sự phản ứng của nhà nước đối với hành vi vi phạm pháp luật.

Tóm lại, trách nhiệm pháp lý là một loại quan hệ pháp luật đặc biệt giữa nhà nước (thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền) và chủ thể vi phạm pháp luật, trong đó nhà nước (thông qua cơ quan có thẩm quyền) có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế có tính chất trừng phạt được quy định ở chế tài quy phạm pháp luật đối với chủ thể vi phạm pháp luật và chủ thể đó phải gánh chịu hậu quả bất lợi về vật chất, tinh thần do hành vi của mình gây ra.

**1.2 Các loại trách nhiệm pháp lý**

Tương ứng với các dạng vi phạm pháp luật là các dạng trách nhiệm pháp lý. Thông thường, trách nhiệm pháp lý được phân loại như sau:

Cách phân loại dựa vào các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng trách nhiệm pháp lý phân thành: trách nhiệm do Tòa án áp dụng và trách nhiệm do cơ quan quản lý nhà nước áp dụng.

Cách phân loại dựa vào mối quan hệ của trách nhiệm pháp lý với các ngành luật, ta có trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm vật chất.

**Trách nhiệm hình sự:** được Tòa án áp dụng đối với những người có hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, chế tài trách nhiệm hình sự là nghiêm khắc nhất (đó là hình phạt: tù có thời hạn, tù chung thân hoặc tử hình,…).

**Trách nhiệm hành chính:** chủ yếu do các cơ quan quản lý nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm hành chính.

**Trách nhiệm dân sự:** là loại trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với các chủ thể vi phạm dân sự.

**Trách nhiệm kỷ luật**: là loại trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với chủ thể vi phạm kỷ luật, do thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tiến hành.

Trách nhiệm vật chất là loại trách nhiệm pháp lý do các cơ quan, đơn vị,... áp dụng đối với cán bộ, công chức, công nhân, người lao động,... của cơ quan, đơn vị mình trong trường hợp họ gây thiệt hại về tài sản cho cơ quan, đơn vị./.